

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 182 /PBHC-TCKT
V/v công bố BCTC Năm 2015
sau kiểm toán

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM.

Thực hiện thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP kính gửi Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM Báo cáo tài chính năm 2015 sau kiểm toán như sau:

1. Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2015;
2. Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2015.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT; NĐDPV (đề b/c);
- TGĐ (đề b/c); PTGD N.V.Tổng
- Ban KS (đề b/c)
- KTNB; TTTT (p/h)
- Lưu: VT, TCKT, (TXT.06b).

1.0

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Hiền

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 40

0011
CÓN
NH
EL
HỆ
D

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên
Ông Đinh Quang Hoàn	Ủy viên (từ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 496 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

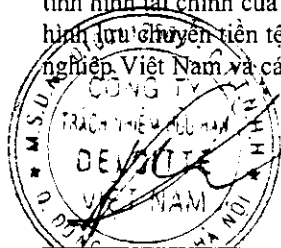
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.449.107.457.914	6.544.156.632.162
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.188.813.158.588	4.757.994.590.292
1. Tiền	111		114.813.158.588	77.994.590.292
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.074.000.000.000	4.680.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	70.000.000.000	71.245.382.915
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.000.000.000	71.245.382.915
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		940.005.670.190	369.748.546.089
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	236.190.426.179	141.279.226.421
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	596.396.818.230	88.504.082.423
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	328.336.175.448	261.556.944.534
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(220.917.749.667)	(121.591.707.289)
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.129.364.660.553	1.206.413.629.582
1. Hàng tồn kho	141		1.129.364.660.553	1.206.413.629.582
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		120.923.968.583	138.754.483.284
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	14.488.196.547	15.139.650.768
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		102.303.948.945	119.101.991.777
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	4.131.823.091	4.512.840.739
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.023.114.369.845	3.094.226.227.660
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000	50.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	50.000.000	50.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.580.783.127.735	1.729.120.290.338
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	785.370.731.888	921.539.345.696
- Nguyên giá	222		7.024.596.782.981	6.959.961.960.095
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.239.226.051.093)	(6.038.422.614.399)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	795.412.395.847	807.580.944.642
- Nguyên giá	228		1.040.848.236.104	1.037.801.033.508
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(245.435.840.257)	(230.220.088.866)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	282.070.955.999	344.282.761.982
- Nguyên giá	231		334.556.867.544	391.906.232.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.485.911.545)	(47.623.470.210)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		609.740.263.873	240.638.327.232
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	609.740.263.873	240.638.327.232
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	483.415.929.714	701.104.947.899
1. Đầu tư vào công ty con	251		445.046.800.000	466.456.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		680.903.000.000	662.700.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(663.035.870.286)	(448.553.852.101)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		67.054.092.524	79.029.900.209
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.614.110.172	25.208.466.648
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	57.439.982.352	53.821.433.561
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.472.221.827.759	9.638.382.859.822

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

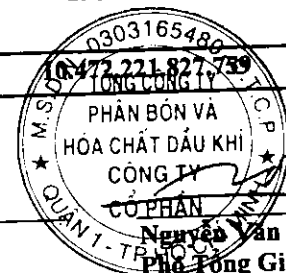
MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	
			31/12/2015	(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.104.051.363.140	943.975.122.967
I. Nợ ngắn hạn	310		1.723.468.789.795	889.320.636.150
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	344.290.211.658	366.222.768.585
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	45.384.202.871	60.340.273.284
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	68.664.734.736	37.919.588.000
4. Phải trả người lao động	314		99.565.238.768	59.936.083.892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	53.486.372.501	57.064.219.158
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	989.800.703.449	45.576.760.104
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	39.680.210.527	217.105.262.533
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		82.597.115.285	45.155.680.594
II. Nợ dài hạn	330		380.582.573.345	54.654.486.817
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.182.443.406	2.853.964.450
2. Phải trả dài hạn khác	337	22	600.000.000	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	226.950.078.667	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	96.551.724.140	-
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		54.298.327.132	51.800.522.367
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.368.170.464.619	8.694.407.736.855
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	8.368.170.464.619	8.694.407.736.855
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(719.794)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.444.814.857.841	3.444.814.857.841
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.104.472.517.040	1.430.710.509.070
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		806.260.241.770	1.007.866.370.295
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		298.212.275.270	422.844.138.775
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		9.638.382.859.822	9.638.382.859.822

Hoàng Thị Lan Anh
 Hoàng Thị Lan Anh
 Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Huỳnh Kim Nhân
 Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
			(Trình bày lại)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	8.395.699.818.428	7.627.863.121.528
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	112.817.988.804	121.642.589.279
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.282.881.829.624	7.506.220.532.249
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	5.536.482.216.522	5.455.955.933.263
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.746.399.613.102	2.050.264.598.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	308.798.232.412	466.062.614.665
7. Chi phí tài chính	22	32	216.400.098.567	285.412.138.127
8. Chi phí bán hàng	25	33	634.197.814.849	595.315.677.630
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	490.153.495.126	458.312.137.579
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.714.446.436.972	1.177.287.260.315
11. Thu nhập khác	31	34	24.443.324.321	10.480.189.203
12. Chi phí khác	32	34	1.048.768.634	7.294.508.763
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		23.394.555.687	3.185.680.440
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.737.840.992.659	1.180.472.940.755
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	273.088.484.232	142.737.727.722
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(3.618.548.791)	(28.397.345.472)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.468.371.057.218	1.066.132.558.505

Hoàng Thị Lan Anh

Hoàng Thị Lan Anh
 Người lập biểu

Huỳnh Kim Nhân

Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.737.840.992.659	1.180.472.940.755
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	232.711.857.515	233.938.186.757
Các khoản dự phòng	03	515.375.396.030	455.530.268.776
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(185.722.992)	104.776.992
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(323.666.799.418)	(465.326.399.498)
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	43.515.737.023
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.162.075.723.794	1.448.235.510.805
(Tăng) các khoản phải thu	09	(142.450.718.627)	(200.021.974.409)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	77.048.969.029	(192.338.894.352)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(369.792.878.177)	(237.429.148.831)
Giảm chi phí trả trước	12	16.245.810.697	23.775.772.270
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(244.247.300.070)	(81.295.982.938)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	106.450.370.984	1.632.509.124
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(339.051.256.935)	(160.910.776.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.266.278.720.695	601.647.014.727
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(870.500.435.648)	(196.031.053.519)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	70.835.909.091	18.044.367.201
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.245.382.915	1.663.615.831.634
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(28.563.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	4.606.214.100	135.900.173.400
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	301.110.587.409	427.813.648.765
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(492.702.342.133)	2.020.779.967.481

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015		2014
				(Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	226.950.078.667	-	
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(569.893.611.925)	(1.516.104.854.000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(342.943.533.258)	(1.516.104.854.000)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	430.632.845.304	1.106.322.128.208	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.757.994.590.292	3.651.611.169.091	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	185.722.992	61.292.993	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.188.813.158.588	4.757.994.590.292	

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.180 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.144 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác.
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản.
- Đào tạo nghề.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 05 công ty con, 03 công ty liên kết, 01 chi nhánh, 01 Nhà máy, 01 Ban Quản lý và 01 Văn phòng đại diện. Cụ thể bao gồm:

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí
- Văn phòng đại diện tại Myanmar.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (*)	TP. Hồ Chí Minh	81,38	81,38	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	43,34	43,34	Sản xuất bao bì	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	TP. Cần Thơ	35,63	35,63	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	TP. Hải Phòng	25,99	25,99	Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester	Công ty liên kết

(*) Ngày 13 tháng 01 năm 2016, Nghị quyết số 15/NQ-PBHC của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã phê duyệt kết quả chào bán để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 81,38% tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam (PVFCCo-SBD). Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp, Tổng Công ty sẽ chính thức không còn sở hữu vốn tại PVFCCo-SBD.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo tài chính của văn phòng Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Tổng Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	3

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, giá trị bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>2015</u> <u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Trong đó:

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã được phân bổ toàn bộ vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác, bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn và lãi chênh lệch tỷ giá. Trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), tuy nhiên sự khác biệt này không gây ra ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm tài chính đầu tiên Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất 15% cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh phân đạm.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định hạch toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.101.032.562	538.978.228
Tiền gửi không kỳ hạn	113.712.126.026	77.455.612.064
Các khoản tương đương tiền (*)	5.074.000.000.000	4.680.000.000.000
	<u>5.188.813.158.588</u>	<u>4.757.994.590.292</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,8%/năm đến 5,3%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	70.000.000.000	70.000.000.000	71.245.382.915	71.245.382.915

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,1%/năm.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	445.046.800.000	-	514.525.000.000	466.456.800.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	75.000.000.000	-	101.250.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	127.500.000.000	-	131.325.000.000	127.500.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	93.750.000.000	-	171.250.000.000	93.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	90.000.000.000	-	110.700.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	58.796.800.000	-	-	21.410.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	680.903.000.000	(662.700.000.000)	25.483.920.000	662.700.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	562.700.000.000	(562.700.000.000)	-	562.700.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	18.203.000.000	-	25.483.920.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	20.502.000.000	(335.870.286)	-	20.502.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000	(335.870.286)	-	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	16.902.000.000	-	-	16.902.000.000

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ và Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán nên Tổng Công ty không có cơ sở đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý tương ứng của các khoản đầu tư này).

Đối với các khoản đầu tư còn lại, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Tổng Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa thể xác định được để trình bày trên phân Thuyết minh báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng
43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	2015		2014	
	Doanh thu VND	Chi phí VND	Doanh thu VND	Chi phí VND
				Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN VND
Tình hình hoạt động của Công ty con trong năm				
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	2.452.136.193.751	2.420.947.177.721	2.348.012.348.502	2.299.194.231.078
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	2.600.069.400.533	2.566.415.301.889	2.548.197.991.082	2.513.141.318.636
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	2.673.130.613.391	2.638.014.233.431	2.821.395.467.672	2.780.830.095.576
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	1.422.902.633.794	1.393.263.049.402	1.245.771.598.872	1.219.086.997.797
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	187.532.521.921	179.385.395.045	181.010.851.072	174.755.943.076
				40.198.460.122
Tình hình hoạt động của Công ty liên kết trong năm				
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (1)	176.246.743.797	177.663.104.727	119.657.880.948	133.840.321.035
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (2)	1.835.314.470.723	2.847.318.804.271	1.146.489.282.320	2.034.910.226.835
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	294.832.481.955	280.191.957.123	228.454.780.484	215.102.050.199
				(28.161.107.257)
				1.089.171.805.579)
				10.177.467.918

(1) Theo số liệu Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong), tài sản thuần của PVC-Mekong là hơn 185 tỷ đồng, thấp hơn số vốn góp của các cổ đông là hơn 280 tỷ đồng. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cho toàn bộ số vốn đầu tư tại PVC-Mekong với tổng mức trích lập là 100 tỷ đồng.

(2) Theo số liệu Báo cáo tài chính riêng chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX), tài sản thuần của PVTEX là khoảng 516 tỷ đồng, thấp hơn số vốn góp của các cổ đông là hơn 2.681 tỷ đồng. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cho toàn bộ số vốn đầu tư tại PVTEX với tổng mức trích lập là hơn 562 tỷ đồng.

	2015		2014	
	Bán hàng VND	Mua hàng hóa và dịch vụ VND	Bán hàng VND	Mua hàng hóa và dịch vụ VND
				Cổ tức được chia VND
				77.331.312.000

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty con, công ty liên kết trong năm

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần F.A	4.789.702.071	3.110.469.670
Liven Agrichem Pte. Ltd	6.246.660.000	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	221.597.415.685	133.586.438.449
Các khách hàng khác	3.556.648.423	4.582.318.302
	<u>236.190.426.179</u>	<u>141.279.226.421</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tập đoàn TOYO Việt Nam	-	59.325.000.000
Technip Italy S.p.A	180.551.547.337	-
Thyssenkrupp Industrial Solution (India) Private Limited	93.223.527.025	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	302.021.476.568	7.873.610.233
Các nhà cung cấp khác	20.600.267.300	21.305.472.190
	<u>596.396.818.230</u>	<u>88.504.082.423</u>

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (i)	101.620.682.378	-
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	21.756.845.967	19.692.943.546
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (ii)	12.792.091.037	12.792.091.037
Tạm ứng cho người lao động	1.852.778.259	239.187.715
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	15.000.000	32.000.000
Thuế GTGT được hoàn của Nhà máy Đạm Phú Mỹ	17.851.484.482	106.450.370.984
Phải thu chiết khấu mua hàng từ nhà cung cấp	51.589.780.848	-
Khác	10.714.245.188	12.207.083.963
	<u>328.336.175.448</u>	<u>261.556.944.534</u>
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	50.000.000	50.000.000
	<u>50.000.000</u>	<u>50.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện khoản thanh toán theo cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 02 Cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Trong năm 2014, Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử cùng với lãi suất với số tiền tổng cộng là 389,4 tỷ đồng, theo đó, Tổng Công ty đã hoàn trả cho Tập đoàn số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty vào PVTEX là 101,2 tỷ đồng.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, PVTEX và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay PVTEX. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ PVTEX (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại PVTEX. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do (lỗ) lũy kế của PVTEX đã vượt quá vốn chủ sở hữu, và PVTEX không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với khoản phải thu này.

- (ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (“PVGN”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh khoản tiền bảo hiểm thiệt hại công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng, số tiền bảo hiểm thiệt hại đã được cơ quan bảo hiểm đền bù nhưng PVGN chưa chuyển trả cho Tổng Công ty.

10. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND		VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	220.917.749.667	-	119.297.067.289	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	110.143.267.289	-	110.143.267.289	-
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Lan (ii)	9.153.800.000	-	9.153.800.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (iii)	101.620.682.378	-	-	-
Phải thu có khả năng thu hồi	-	-	2.294.640.000	2.294.640.000
Các đối tượng khác	-	-	2.294.640.000	2.294.640.000

- (i) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- (ii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Lan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (iii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) liên quan đến khoản cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn trung và dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 9.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	79.999.169.183	-	288.454.892.852	-
Nguyên liệu, vật liệu	334.315.883.128	-	480.536.280.351	-
Công cụ, dụng cụ	9.473.224.785	-	4.617.257.639	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.545.263.443	-	31.549.373.712	-
Thành phẩm	155.670.863.168	-	258.554.534.159	-
Hàng hoá	521.360.256.846	-	142.701.290.869	-
Cộng	1.129.364.660.553	-	1.206.413.629.582	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	10.124.705.794	9.518.700.811
Công cụ dụng cụ phân bổ	871.896.526	2.055.813.687
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.491.594.227	3.565.136.270
	14.488.196.547	15.139.650.768
Dài hạn		
Trả trước tiền thuê đất	3.370.950.902	3.932.776.045
Công cụ dụng cụ phân bổ	3.757.699.448	15.734.967.858
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.485.459.822	5.540.722.745
	9.614.110.172	25.208.466.648

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	1.426.724.534.990	5.359.366.758.010	54.486.512.238	112.567.786.082	6.816.368.775	6.959.961.960.095
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	1.460.533.730	1.460.533.730
Mua sắm mới	-	28.637.860.476	-	39.328.612.313	-	67.966.472.789
Thanh lý, nhượng bán	-	(328.214.510)	(1.343.457.208)	(3.120.511.915)	-	(4.792.183.633)
Tăng/(Giảm) khác	-	779.934.982	-	(779.934.982)	-	-
Tại ngày 31/12/2015	1.426.724.534.990	5.388.456.338.958	53.143.055.030	147.995.951.498	8.276.902.505	7.024.596.782.981
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	763.444.451.696	5.157.687.238.267	44.949.246.211	69.450.852.123	2.890.826.102	6.038.422.614.399
Trích khấu hao trong năm	72.710.761.070	106.465.492.790	2.735.059.526	21.319.719.987	2.364.586.954	205.595.620.327
Thanh lý, nhượng bán	-	(328.214.510)	(1.343.457.208)	(3.120.511.915)	-	(4.792.183.633)
Tại ngày 31/12/2015	836.155.212.766	5.263.824.516.547	46.340.848.529	87.650.060.195	5.255.413.056	6.239.226.051.093
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	590.569.322.224	124.631.822.411	6.802.206.501	60.345.891.303	3.021.489.449	785.370.731.888
Tại ngày 01/01/2015	663.280.083.294	201.679.519.743	9.537.266.027	43.116.933.959	3.925.542.673	921.539.345.696

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.378.778.307.722 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.349.686.879.705 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	803.964.779.348	171.736.726.176	52.117.573.588	9.981.954.396	1.037.801.033.508
Tăng trong năm	-	1.977.793.869	1.198.110.000	-	3.175.903.869
Thanh lý	-	-	(85.064.909)	(43.636.364)	(128.701.273)
Tại ngày 31/12/2015	803.964.779.348	173.714.520.045	53.230.618.679	9.938.318.032	1.040.848.236.104
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	14.418.509.226	169.035.688.047	36.904.983.424	9.860.908.169	230.220.088.866
Trích khấu hao trong năm	4.303.568.201	2.595.868.374	8.302.715.282	110.143.108	15.312.294.965
Thanh lý	-	-	(63.810.329)	(32.733.245)	(96.543.574)
Tại ngày 31/12/2015	18.722.077.427	171.631.556.421	45.143.888.377	9.938.318.032	245.435.840.257
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	785.242.701.921	2.082.963.624	8.086.730.302	-	795.412.395.847
Tại ngày 01/01/2015	789.546.270.122	2.701.038.129	15.212.590.164	121.046.227	807.580.944.642

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 178.361.196.555 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 178.361.196.555 đồng).

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	123.999.152.000	267.907.080.192	391.906.232.192
Tăng trong năm	-	1.502.792.144	1.502.792.144
Thanh lý, nhượng bán	(24.500.000.000)	(34.352.156.792)	(58.852.156.792)
Tại ngày 31/12/2015	99.499.152.000	235.057.715.544	334.556.867.544
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	6.092.502.718	41.530.967.492	47.623.470.210
Trích khấu hao trong năm	1.330.844.702	10.473.097.521	11.803.942.223
Thanh lý, nhượng bán	(1.787.736.207)	(5.153.764.681)	(6.941.500.888)
Tại ngày 31/12/2015	5.635.611.213	46.850.300.332	52.485.911.545
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	93.863.540.787	188.207.415.212	282.070.955.999
Tại ngày 01/01/2015	117.906.649.282	226.376.112.700	344.282.761.982

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	609.740.263.873	240.638.327.232
Trong đó:		
<i>Dự án UFC 85/Formaldehyde (*)</i>	<i>348.243.750.831</i>	<i>75.732.962.614</i>
<i>Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK</i>	<i>108.329.487.319</i>	<i>23.451.226.161</i>
<i>Dự án Amoniac</i>	<i>46.248.899.367</i>	<i>46.248.899.367</i>
<i>Dự án nhà Cán bộ công nhân viên</i>	<i>36.342.070.618</i>	<i>36.342.070.618</i>
<i>Kho Tây Ninh</i>	<i>24.001.000.364</i>	<i>23.573.596.728</i>
<i>Các dự án khác</i>	<i>46.575.055.374</i>	<i>35.289.571.744</i>
	<u>609.740.263.873</u>	<u>240.638.327.232</u>

(*) Dự án UFC 85/Formaldehyde có tổng mức đầu tư gần 500 tỷ đồng, đã cơ bản hoàn thành và đang trong quá trình chạy thử. Dự kiến, dự án sẽ được bàn giao chính thức đi vào hoạt động trong Quý I/2016. Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ chi phí đầu tư của Dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là hơn 348 tỷ đồng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm 2015 và năm tài chính trước:

	<u>Dự phòng phải thu</u>	<u>Chi phí trích trước</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>ngắn hạn khó đòi</u>	<u>chưa có hóa đơn</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	13.767.908.411	11.656.179.678	-	25.424.088.089
Ghi nhận trong năm	(6.498.452.770)	29.469.242.576	5.426.555.666	28.397.345.472
Tại ngày 01/01/2015	7.269.455.641	41.125.422.254	5.426.555.666	53.821.433.561
Ghi nhận trong năm	15.087.094.482	(12.715.279.460)	1.246.733.769	3.618.548.791
Tại ngày 31/12/2015	<u>22.356.550.123</u>	<u>28.410.142.794</u>	<u>6.673.289.435</u>	<u>57.439.982.352</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tập đoàn TOYO Việt Nam	-	-	29.662.500.000	29.662.500.000
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	235.999.071.866	235.999.071.866	258.907.825.118	258.907.825.118
Các nhà cung cấp khác	108.291.139.792	108.291.139.792	77.652.443.467	77.652.443.467
	344.290.211.658	344.290.211.658	366.222.768.585	366.222.768.585

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Uralkali Trading S.A	2.036.402.485	-
Người mua là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	42.317.312.072	59.041.033.554
Các khách hàng khác	1.030.488.314	1.299.239.730
	45.384.202.871	60.340.273.284

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	851.506.910	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.108.176.133	36.266.991.971
Thuế thu nhập cá nhân	2.668.674.413	1.621.798.189
Thuế tài nguyên	29.441.280	30.299.840
Các loại thuế khác	6.936.000	498.000
	68.664.734.736	37.919.588.000

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)**

Tình hình thu/nộp Ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

Chi tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm			31/12/2015 VND
	01/01/2015 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.152.818.774)	-	-	(3.152.818.774)
Thuế thu nhập cá nhân	(1.360.021.965)	15.827.935.511	15.446.917.863	(979.004.317)
Cộng	(4.512.840.739)	15.827.935.511	15.446.917.863	(4.131.823.091)
b) Các khoản phải trả				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.849.105.976	997.599.066	851.506.910
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.753.373.111	5.753.373.111	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	64.603.542.915	64.603.542.915	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.266.991.971	273.088.484.232	244.247.300.070	65.108.176.133
Thuế thu nhập cá nhân	1.621.798.189	17.964.898.706	16.918.022.482	2.668.674.413
Thuế tài nguyên	30.299.840	345.331.840	346.190.400	29.441.280
Thuế bảo vệ môi trường	498.000	49.680.000	43.242.000	6.936.000
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	15.091.288.961	15.091.288.961	-
Cộng	37.919.588.000	378.752.705.741	348.007.559.005	68.664.734.736

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	
	31/12/2015 VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí an sinh xã hội (i)	18.624.552.700	32.058.808.019
Chi phí phải trả khác	34.861.819.801	25.005.411.139
	53.486.372.501	57.064.219.158

- (i) Chi phí an sinh xã hội trong năm được trích theo Nghị quyết số 998/DKVN- TCNS ngày 4 tháng 5 năm 2015 về việc “Chấp thuận phương án phân bổ kinh phí của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam và các đơn vị có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thực hiện chương trình an sinh xã hội năm 2015”. Theo đó, kinh phí được phân bổ cho Tổng Công ty năm 2015 là 95 tỷ đồng. Trong năm, Tổng Công ty có thêm ba (03) quyết định trích bổ sung Quỹ an sinh xã hội với tổng mức trích thêm là 9,5 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chi phí an sinh xã hội phải trả cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 18.624.552.700 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả	975.031.896.789	25.188.468.714
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.233.141.465	5.496.394.080
Phải trả ngắn hạn khác	11.535.665.195	14.891.897.310
	989.800.703.449	45.576.760.104
Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	600.000.000	-
	600.000.000	-

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2015 cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	217.105.262.533
Trích trước chi phí bảo dưỡng GAS TURBINE năm 2016	39.680.210.527	-
	39.680.210.527	217.105.262.533
Dài hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2017 cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ	96.551.724.140	-
	96.551.724.140	-

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng
		trả nợ VND				trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	226.950.078.667	-	226.950.078.667	226.950.078.667
Cộng	-	-	226.950.078.667	-	226.950.078.667	226.950.078.667

Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay số 03/2015/HDDA-PVB-CNHCM.QLDT ngày 26 tháng 01 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Tổng Công ty với hạn mức vay là 347.574.411.133 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư vào dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Thời hạn vay tối đa là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (2,5%/năm). Lãi vay được trả 06 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế vào ngày 26 hàng tháng.

Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị dự án xây dựng công trình xưởng sản xuất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng nêu trên.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND					VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2014	3.800.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(264.120.169)	2.499.459.725.948	945.355.131.893	2.001.352.082.545	9.264.785.909.955			
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.066.132.558.505	1.066.132.558.505			
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(117.037.091.980)	(117.037.091.980)			
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.519.737.040.000)	(1.519.737.040.000)			
Khác	-	-	-	263.400.375	-	-	-	-	-	-	263.400.375
Số dư tại ngày 31/12/2014	3.800.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	2.499.459.725.948	945.355.131.893	1.430.710.509.070	8.694.407.736.855			
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	945.355.131.893	(945.355.131.893)	-	-			
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.800.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	3.444.814.857.841	1.430.710.509.070	1.468.371.057.218	8.694.407.736.855			
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(274.872.009.248)	(274.872.009.248)			
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	(1.519.737.040.000)	(1.519.737.040.000)			
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	-	-			
Khác	-	-	-	719.794	-	-	-	-	-	-	719.794
Số dư tại ngày 31/12/2015	3.800.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	-	3.444.814.857.841	-	1.104.472.517.040	8.368.170.464.619			

(1) Tổng Công ty đã thực hiện trích 54.548.877.300 đồng Quỹ khen thưởng, phúc lợi còn phải trích từ lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ với tỷ lệ trích là 12% lợi nhuận sau thuế. Đồng thời, Tổng Công ty cũng thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 220.323.131.948 đồng, tương ứng tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế của năm 2015 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Quản trị.

(2) Trong năm 2015, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 569.901.390.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 23/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2015, và tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 là 949.835.650.000 đồng (2.500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 1064/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	380.000.000	380.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	65.740	65.740
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	379.934.260	379.934.260
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	Vốn đã góp tại ngày
	VND	%	31/12/2015	31/12/2014
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.332.042.530.000	59,58	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	1.581.957.470.000	40,42	1.467.957.470.000	1.467.957.470.000
	3.914.000.000.000	100%	3.800.000.000.000	3.800.000.000.000

26. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	2.141.450	1.808.468
- EUR	32.574	33.658

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 28 và số 29.

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu với doanh thu khoảng 134 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Doanh thu kinh doanh Ure	5.848.335.220.380	6.058.201.550.510
Doanh thu kinh doanh Ure Cà Mau	-	11.480.236.000
Doanh thu kinh doanh Amoniac	271.418.980.873	181.463.231.525
Doanh thu điện	1.608.040.595	1.422.244.336
Doanh thu khác	2.274.337.576.580	1.375.295.859.157
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.395.699.818.428	7.627.863.121.528
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	112.817.988.804	121.642.589.279
	112.817.988.804	121.642.589.279
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	7.864.776.309.866	6.870.457.743.605

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh Ure	3.202.475.538.475	4.043.371.170.001
Giá vốn kinh doanh Ure Cà Mau	-	10.768.492.500
Giá vốn kinh doanh Amoniac	144.565.582.519	88.671.273.818
Giá vốn kinh doanh điện	2.568.917.637	3.169.077.631
Giá vốn khác	2.186.872.177.891	1.309.975.919.313
	5.536.482.216.522	5.455.955.933.263

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.396.192.410.433	3.619.695.520.975
Chi phí nhân công	357.744.047.445	326.457.107.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.191.805.850	233.938.186.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	804.122.477.087	871.340.524.382
Chi phí khác bằng tiền	542.567.667.359	156.557.615.828
	4.323.818.408.174	5.207.988.955.120

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	239.514.671.830	306.485.412.459
Cổ tức, lợi nhuận được chia	63.659.818.000	80.371.154.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.992.728.792	612.865.291
Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	1.399.214.100	-
Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phiếu Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	-	78.527.105.479
Khác	1.231.799.690	66.077.036
	308.798.232.412	466.062.614.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	214.482.018.185	284.356.397.495
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.917.612.896	850.879.848
Khác	467.486	204.860.784
	216.400.098.567	285.412.138.127

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	33.918.533.690	27.585.492.030
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	320.642.451.947	346.827.137.064
Chi phí an sinh xã hội	83.644.132.797	93.292.232.700
Chi phí quảng cáo, truyền thông	111.389.096.361	82.888.402.710
Các khoản chi phí bán hàng khác	84.603.600.054	44.722.413.126
	634.197.814.849	595.315.677.630
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	103.167.796.397	99.692.332.116
Phí quản lý nộp Tập đoàn	30.727.444.022	35.062.450.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.588.116.852	88.209.011.026
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	269.670.137.855	235.348.344.006
	490.153.495.126	458.312.137.579

34. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Thu nhập khác		
Thanh lý bất động sản đầu tư	19.293.095.488	-
Thu phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	253.210.835	1.029.475.330
Thu nhập khác	4.897.017.998	9.450.713.873
	24.443.324.321	10.480.189.203
Chi phí khác		
Chi phí bất động sản đầu tư	-	175.336.802
Chi phí khác	1.048.768.634	7.119.171.961
	1.048.768.634	7.294.508.763

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	272.254.729.741	126.214.508.456
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước bổ sung	833.754.491	16.523.219.266
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>273.088.484.232</u>	<u>142.737.727.722</u>

Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh phân đạm: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm tài chính đầu tiên Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất 15% cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh phân đạm.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê hoạt động như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Trong vòng một năm	15.021.241.138	15.508.105.138
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	60.084.964.554	60.247.252.554
Sau năm năm	416.839.441.591	431.860.682.729
	<u>491.945.647.283</u>	<u>507.616.040.421</u>

Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004. Theo Phụ lục hợp đồng số 135/PLHĐ/IZICO ký ngày 07 tháng 11 năm 2013 thì từ năm 2014 trở đi, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất thổ và phí sử dụng hạ tầng bằng VND vào ngày 15 tháng 02 hàng năm của năm thuê đất đó với số tiền mỗi năm phải trả là 666.524 USD.

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 115/QĐ-PHBC ngày 08 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, cung cấp và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ NH₃ và phân NPK trong nước với tổng mức đầu tư là 4.987.200.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của dự án là Quý 2 năm 2017. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 108.329.487.319 đồng.

Cam kết khác

Theo Phụ lục sửa đổi bổ sung số 04 của Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCO/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá khí được tính theo công thức tính giá khí được giao nhận tại điểm giao nhận khí như sau: Giá khí không bao gồm VAT (USD/MMBTU) = 46% * Giá dầu trung bình MFOC + cước phí bể Cửu Long áp dụng cho nhà máy Đạm Phú Mỹ, với mức cước phí áp dụng cho năm 2016 là 0,94 USD/mmBTU.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) – Công ty liên kết của Công ty, theo đó Tổng Công ty cam kết hoàn trả cho Tập đoàn toàn bộ gốc vay, lãi vay, chi phí, lệ phí, tổn thất và phí tổn thất phát sinh mà Tập đoàn đã trả cho các ngân hàng tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại PVTEX, việc hoàn trả được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Tập đoàn có công văn yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả số tiền trên. Ngày 23 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Công văn số 527/DKVN-TCKT yêu cầu Tổng Công ty thực hiện các cam kết nêu trên, cụ thể: Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử với số tiền tổng cộng là 388,5 tỷ đồng. Theo đó, trong năm 2015 Tổng Công ty đã chuyển trả cho Tập đoàn số tiền là 101.620.682.378 đồng.

Theo Công văn số 9792/CV-KHDN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc cơ cấu khoản vay dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Tổng hợp Polyester Đình Vũ: ngày trả nợ gốc tiếp theo là ngày 21 tháng 6 năm 2017, như vậy tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tổng Công ty không có nghĩa vụ hoàn trả Tập đoàn bất cứ số tiền nào liên quan đến các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn nêu trên.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	226.950.078.667	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.188.813.158.588	4.757.994.590.292
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	8.368.170.464.619	8.694.407.736.855
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 (Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.188.813.158.588	4.757.994.590.292
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.000.000.000	71.245.382.915
Phải thu khách hàng và phải thu khác	343.593.851.960	280.973.275.951
Phải thu dài hạn khác	50.000.000	50.000.000
Tổng cộng	5.602.457.010.548	5.110.263.249.158
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	226.950.078.667	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.334.564.059.313	410.929.485.107
Chi phí phải trả	53.486.372.501	57.064.219.158
Dự phòng phải trả	136.231.934.667	217.105.262.533
Tổng cộng	1.751.232.445.148	685.098.966.798

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đô la Mỹ (USD)	18.413.685.665	-	460.841.784.970	44.648.551.110
Euro (EUR)	-	-	980.005.931	859.697.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.848.561.986	892.971.022
Euro (EUR)	19.600.119	17.193.952

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX), Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với tổng số tiền trích lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là hơn 663 tỷ đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì giá trị dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde do Tổng Công ty làm chủ đầu tư (như trình bày tại Thuyết minh 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng/giảm 4.539.001.573 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có một số khoản phải thu tồn đọng lâu ngày và khó có khả năng thu hồi. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ cho các khoản phải thu này với số tiền lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là hơn 220 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.188.813.158.588	-	-	5.188.813.158.588
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.000.000.000	-	-	70.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	343.593.851.960	-	-	343.593.851.960
Phải thu dài hạn khác	-	50.000.000	-	50.000.000
Tổng cộng	5.602.407.010.548	50.000.000	-	5.602.457.010.548
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	226.950.078.667	-	226.950.078.667
Phải trả người bán và phải trả khác	1.334.564.059.313	-	-	1.334.564.059.313
Chi phí phải trả	53.486.372.501	-	-	53.486.372.501
Dự phòng phải trả	39.680.210.527	96.551.724.140	-	136.231.934.667
Tổng cộng	1.427.730.642.341	323.501.802.807	-	1.751.232.445.148
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.174.676.368.207	(323.451.802.807)	-	3.851.224.565.400
31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.757.994.590.292	-	-	4.757.994.590.292
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.245.382.915	-	-	71.245.382.915
Phải thu khách hàng và phải thu khác	280.973.275.951	-	-	280.973.275.951
Phải thu dài hạn khác	-	50.000.000	-	50.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-
Tổng cộng	5.110.213.249.158	50.000.000	-	5.110.263.249.158
31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	410.929.485.107	-	-	410.929.485.107
Chi phí phải trả	57.064.219.158	-	-	57.064.219.158
Dự phòng phải trả	217.105.262.533	-	-	217.105.262.533
Tổng cộng	685.098.966.798	-	-	685.098.966.798
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.425.114.282.360	50.000.000	-	4.425.164.282.360

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:**Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Các công ty con, công ty liên kết
Các công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Cổ tức trả Tập đoàn	932.655.634.657	932.655.634.657
Phí Quản lý nợ Tập đoàn	30.727.444.022	35.062.450.431
	963.383.078.679	967.718.085.088
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	1.926.454.572
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	2.317.648.228.070	1.937.642.869.453
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu khí Miền Trung	2.111.351.609.229	1.954.386.447.377
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	1.342.270.675.961	1.059.397.902.858
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	2.077.481.601.379	1.895.502.068.747
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	16.007.976.000	21.575.580.086
Công ty Cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ	16.219.227	26.420.512
	7.864.776.309.866	6.870.457.743.605
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.848.830.574.204	3.002.686.898.911
Công ty Cổ phần PVI	62.059.552.809	56.522.071.785
Công ty Cổ Phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	61.139.765.832	73.784.829.218
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	82.639.308.271	97.956.471.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	102.599.840.772	48.940.141.112
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	28.191.379.910	22.794.166.441
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	18.505.308.881	14.267.121.935
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	13.966.295.773	9.292.966.983
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	8.697.417.894	10.371.018.792
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	6.568.456.221	8.034.927.016
Viện Dầu khí Việt Nam	4.567.940.948	5.659.469.821
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	8.030.369.090	45.482.553.937
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	10.153.508.365	8.000.497.447
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	5.971.976.988	5.569.558.940
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	33.919.499.821	29.064.546.639
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	1.313.906.063	1.956.174.866
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)	-	2.980.080.744
	2.297.155.101.842	3.443.363.495.587

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	82.282.964.965	60.151.158.197
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	73.561.462.846	24.512.226.211
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	57.963.694.843	32.733.773.156
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Bắc	7.124.457.328	15.217.039.266
Công ty Cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ	-	19.718.727
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	195.253.105	588.280.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	469.582.598	364.242.892
	221.597.415.685	133.586.438.449
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng dầu khí Việt Nam - CTCP	-	1.466.990.727
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	295.162.847.973	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	5.684.164.656	5.022.403.817
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	748.148.000	1.072.403.462
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh	426.315.939	311.812.227
	302.021.476.568	7.873.610.233
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	101.620.682.378	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	12.792.091.037	12.792.091.037
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	1.147.503.234	-
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	855.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	402.294.445	2.360.777.778
	226.960.838.383	125.296.136.104
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	132.509.629.764	200.690.469.994
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	55.215.683.349	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	7.511.716.726	3.794.741.673
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	3.939.037.614	6.372.455.127
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	2.180.472.076	2.337.404.066
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	10.518.028.800	5.750.501.100
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	6.003.742.149
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí	8.394.696.761	5.975.735.313
Công Ty Cổ Phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.032.041.668	1.548.062.502
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	5.696.909.274	12.836.436.250
Công ty Bảo hiểm PVI TP.Hồ Chí Minh	194.309.908	1.414.517.428
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	2.967.481.441	3.968.924.265
Viện Dầu khí Việt Nam	1.760.649.790	150.028.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Vận tải Dầu khí Việt Nam	1.211.241.068	745.237.900
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	1.600.646.484	3.794.741.673
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	1.266.527.143	3.524.827.678
	235.999.071.866	258.907.825.118

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	22.569.877.500	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	6.775.338.200	13.804.521.352
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	8.907.788.000	30.878.470.020
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	4.064.308.372	14.358.042.182
	<u>42.317.312.072</u>	<u>59.041.033.554</u>
Vay và nợ thuê tài chính		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	226.950.078.667	-
	<u>226.950.078.667</u>	<u>-</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn dầu khí VN-Cổ tức phải trả	582.914.138.405	-
	<u>582.914.138.405</u>	<u>-</u>

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

- Ngày 13 tháng 01 năm 2016, Nghị quyết số 15/NQ-PBHC của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã phê duyệt kết quả chào bán để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 81,38% tại Công ty cổ phần Quản lý và phát triển nhà Dầu khí miền Nam (PVFCCo-SBD). Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp, Tổng Công ty chính thức không còn sở hữu vốn tại PVFCCo-SBD.
- Ngày 29 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 23/NQ-KVN về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP"). Theo đó, tổng số phiếu đã phát hành là 11.400.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau đợt phát hành tăng thêm 114 tỷ, từ 3.800 tỷ đồng lên 3.914 tỷ đồng.
- Ngày 13 tháng 01 năm 2016, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam ("PVN") có Nghị quyết số 248/NQ-DKVN chấp thuận chủ trương dừng nghiên cứu Dự án và chấm dứt thỏa thuận hợp tác đầu tư xây dựng Tổ hợp sản xuất Amoniac và Amon Nitrat giữa PVN và Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng ("GAET"). Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, các bên vẫn đang trong quá trình đàm phán phân chia chi phí triển khai dự án đã phát sinh (lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là 46.248.899.367 đồng).

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT ĐÀU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

41. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Tên chi tiêu	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thay đổi
	Mã số	Mã số	Số tiền (VND)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I. Tài sản			
1. Các khoản phải thu khác	135	136	261.556.944.534
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	155	-
3. Phải thu dài hạn khác	218	216	50.000.000
4. Tài sản dài hạn khác	268		-
II. Nguồn vốn			
1. Doanh thu chưa thực hiện	338	318	-
2. Chi phí phải trả	316	319	57.064.219.158
3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	321	217.105.262.533
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	417	336	2.853.964.450
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	418	3.444.814.857.841
6. Quỹ dự phòng tài chính			-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Thu nhập khác	31	10.480.189.203	Trình bày lại
2. Chi phí khác	32	7.294.508.763	Trình bày lại

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

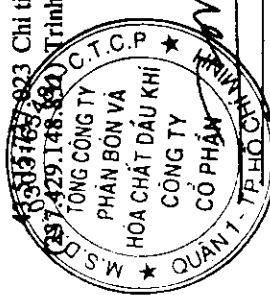
- Các khoản dự phòng	03	455.530.268.776	Trình bày lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	13.313.163.823	Chỉ tiêu mới

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Thu nhập khác	31	10.480.189.203	Trình bày lại
2. Chi phí khác	32	7.294.508.763	Trình bày lại

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các khoản dự phòng	03	455.530.268.776	Trình bày lại
- Các khoản điều chỉnh khác	07	13.313.163.823	Chỉ tiêu mới
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	13.313.163.823	Trình bày lại



Hoàng Thị Lan Anh

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Văn Tông

Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên
Ông Đinh Quang Hoàn	Ủy viên (từ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

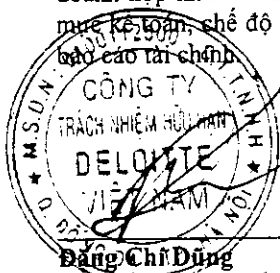
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.082.320.730.170	7.200.752.688.114
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.690.048.266.789	5.078.299.954.021
1. Tiền	111		251.548.266.789	151.773.287.354
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.438.500.000.000	4.926.526.666.667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	80.950.000.000	77.119.148.009
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		80.950.000.000	77.119.148.009
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		821.016.395.013	406.076.671.375
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	110.593.516.567	174.789.878.438
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	599.720.730.490	88.841.597.580
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	331.619.897.623	264.036.902.646
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(220.917.749.667)	(121.591.707.289)
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.365.359.901.358	1.491.901.174.015
1. Hàng tồn kho	141		1.369.360.058.916	1.492.182.549.952
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.000.157.558)	(281.375.937)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		124.946.167.010	147.355.740.694
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	16.806.463.175	16.540.850.938
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		104.007.880.744	126.299.049.017
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	4.131.823.091	4.515.840.739
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.836.858.993.077	2.910.257.813.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.282.745.091	1.749.902.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	22.282.745.091	1.749.902.000
II. Tài sản cố định	220		1.853.675.922.763	2.048.617.374.641
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	950.883.146.423	1.133.009.443.261
- Nguyên giá	222		7.325.699.359.354	7.325.619.743.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.374.816.212.931)	(6.192.610.300.201)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	902.792.776.340	915.607.931.380
- Nguyên giá	228		1.151.101.721.979	1.148.328.298.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(248.308.945.639)	(232.720.366.642)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	213.918.863.401	274.190.461.027
- Nguyên giá	231		257.503.814.400	314.530.971.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(43.584.950.999)	(40.340.510.165)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		612.341.484.055	246.836.829.085
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	612.341.484.055	246.836.829.085
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	47.372.063.536	230.017.094.841
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		27.205.933.822	209.850.965.127
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(335.870.286)	(335.870.286)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		87.267.914.231	108.846.151.991
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	23.061.447.048	43.566.513.172
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	64.206.467.183	65.279.638.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.919.179.723.247	10.111.010.501.699

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 48 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

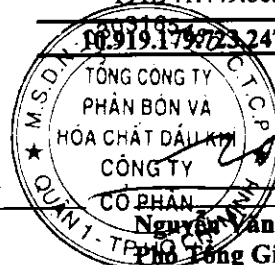
MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.371.674.452.992	1.106.070.665.154
I. Nợ ngắn hạn	310		1.835.490.030.431	1.043.932.696.846
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	361.321.100.293	364.668.057.846
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	63.651.015.476	39.360.737.225
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	83.091.150.528	52.084.947.515
4. Phải trả người lao động	314		118.304.455.634	79.926.390.391
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	57.056.342.544	64.130.128.196
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		700.472.473	21.747.446
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.009.921.782.301	67.855.304.671
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	2.133.324.000	93.520.912.889
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	40.184.083.102	217.455.312.628
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		99.126.304.080	64.909.158.039
II. Nợ dài hạn	330		536.184.422.561	62.137.968.308
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.182.443.406	2.853.964.450
2. Phải trả dài hạn khác	337	22	6.826.964.074	6.177.584.074
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	230.138.981.667	1.125.866.779
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	146.185.982.143	-
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	96.551.724.139	-
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		54.298.327.132	51.980.553.005
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.547.505.270.255	9.004.939.836.545
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	8.547.505.270.255	9.004.939.836.545
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	2.397.482.187
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(719.794)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.498.666.363.829	3.495.964.052.370
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	1.014.770.873
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.038.014.367.026	1.469.879.831.035
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		734.858.823.580	1.040.964.345.963
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		303.155.543.446	428.915.485.072
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		191.941.449.662	216.801.330.136
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.919.179.723.247	10.111.010.501.699

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc


Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 48 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

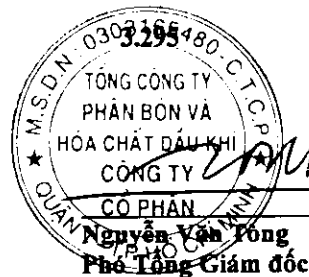
MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.851.635.822.033	9.642.700.730.426
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		86.688.977.560	93.850.877.835
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	9.764.946.844.473	9.548.849.852.591
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	6.612.423.997.803	7.121.096.149.422
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.152.522.846.670	2.427.753.703.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	256.561.206.512	406.506.623.868
7. Chi phí tài chính	22	31	7.070.545.699	4.729.620.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.568.699.865	2.931.385.121
8. Phần (lỗ) trong công ty liên kết	24	6	(198.273.817.160)	(279.826.945.025)
9. Chi phí bán hàng	25	32	750.985.639.837	701.604.959.417
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	597.075.933.211	570.530.577.008
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		1.855.678.117.275	1.277.568.225.239
12. Thu nhập khác	31	33	25.682.368.809	16.648.055.652
13. Chi phí khác	32	33	1.087.635.279	9.545.806.055
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		24.594.733.530	7.102.249.597
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.880.272.850.805	1.284.670.474.836
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	309.160.303.969	186.726.498.683
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	48.651.197.780	(36.514.419.748)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.522.461.349.056	1.134.458.395.901
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.488.213.481.717	1.096.275.840.370
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.247.867.339	38.182.555.531
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35		2.506


Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2016


Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 48 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	
		2015	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	1.880.272.850.805	1.284.670.474.836
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	264.527.522.125	268.667.500.841
Các khoản dự phòng	03	304.765.981.944	163.452.258.562
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	33.095.831	104.776.992
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(72.101.740.932)	(125.057.581.292)
Chi phí lãi vay	06	2.568.699.865	2.931.385.121
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	43.515.737.023
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	2.380.066.409.638	1.638.284.552.083
(Tăng) các khoản phải thu	09	(57.554.865.569)	(179.353.696.872)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	90.739.190.276	(138.784.857.872)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(232.982.368.141)	(400.599.736.783)
Giảm chi phí trả trước	12	19.650.383.838	25.771.110.979
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.568.699.865)	(3.041.817.704)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(279.826.182.950)	(122.523.463.954)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	106.450.370.984	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(384.390.450.891)	(212.149.839.874)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	1.639.583.787.320	607.602.250.004
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(960.351.770.011)	(203.886.105.949)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	71.035.909.091	214.216.539
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.950.000.000)	(5.873.765.094)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.119.148.009	1.663.615.831.634
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(29.363.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	2.238.561.705	135.900.173.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	248.991.636.282	367.559.611.576
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(641.916.514.924)	1.928.166.962.106

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 48 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	
		2015	(Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	360.868.957.857	260.870.891.673
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(176.850.686.644)	(234.682.947.069)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(569.893.611.925)	(1.516.104.854.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(385.875.340.712)	(1.489.916.909.396)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	611.791.931.684	1.045.852.302.714
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.078.299.954.021	4.032.386.358.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(43.618.916)	61.292.993
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.690.048.266.789	5.078.299.954.021

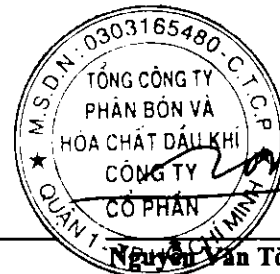


Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2016



Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác.
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản.
- Đào tạo nghề.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 05 công ty con, 03 công ty liên kết, 01 chi nhánh, 01 Nhà máy, 01 Ban Quản lý và 01 Văn phòng đại diện. Cụ thể bao gồm:

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí
- Văn phòng đại diện tại Myanmar.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền		Mối quan hệ
			biểu quyết (%)	Hoạt động chính	
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (*)	TP. Hồ Chí Minh	81,38	81,38	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	43,34	43,34	Sản xuất bao bì	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	TP. Cà Mau	35,63	35,63	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	TP. Hải Phòng	25,99	25,99	Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester	Công ty liên kết

(*) Ngày 13 tháng 01 năm 2016, Nghị quyết số 15/NQ-PBHC của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã phê duyệt kết quả chào bán để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 81,38% tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (PVFCCo-SBD). Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp, Tổng Công ty sẽ chính thức không còn sở hữu vốn tại PVFCCo-SBD.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay, nợ thuê tài chính và dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có). Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	3

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	2015
	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Trong đó:

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước (Tiếp theo)

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã được phân bổ toàn bộ vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và một số chi phí khác được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai trên một năm. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn và lãi chênh lệch tỷ giá. Trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), tuy nhiên sự khác biệt này không gây ra ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.519.452.312	1.451.261.470
Tiền gửi không kỳ hạn	250.028.814.477	150.322.025.884
Các khoản tương đương tiền (*)	5.438.500.000.000	4.926.526.666.667
	<u>5.690.048.266.789</u>	<u>5.078.299.954.021</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,8%/năm đến 5,3%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	80.950.000.000	80.950.000.000	77.119.148.009	77.119.148.009

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,1%/năm.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	680.903.000.000	27.205.933.822	662.700.000.000	209.850.965.127
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	100.000.000.000	-	100.000.000.000	11.461.412.775
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	562.700.000.000	-	562.700.000.000	198.389.552.352
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	18.203.000.000	27.205.933.822	-	-

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	20.502.000.000	(335.870.286)	20.502.000.000	(335.870.286)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000	(335.870.286)	3.600.000.000	(335.870.286)
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	16.902.000.000	-	16.902.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán nên Tổng Công ty không có cơ sở đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý tương ứng của các khoản đầu tư này).

Đối với các khoản đầu tư còn lại, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Tổng Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa thể xác định được để trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Tổng tài sản VND	Tổng công nợ VND	Tổng tài sản VND	Tổng công nợ VND
				Tài sản thuần của Tổng Công ty VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	6.923.094.964.214	7.378.785.674.715	7.800.828.506.176	6.948.750.206.622
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	330.360.207.714	330.105.596.040	337.765.450.027	334.323.055.159
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	6.468.231.735.297	6.987.058.617.336	7.353.654.378.479	6.565.344.671.260
	124.503.021.203	61.621.461.339	109.408.677.670	49.082.480.203
				852.078.299.554
				3.442.394.868
				788.309.707.219
				60.326.197.467

	2015		2014	
	Doanh thu thuần VND	Lãi/(Lỗ) thuần VND	Doanh thu thuần VND	Lãi/(Lỗ) thuần VND
				(Lỗ) thuần từ Công ty liên kết VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.306.393.696.475	(1.299.200.777.978)	1.494.601.943.752	(1.107.155.444.918)
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	176.246.743.797	(3.187.783.194)	119.657.880.948	(28.161.107.257)
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	1.835.314.470.723	(1.307.136.589.258)	1.146.489.282.320	(1.089.171.805.579)
	294.832.481.955	11.123.594.474	228.454.780.484	10.177.467.918
				(279.826.945.025)
				210.575.667
				(280.037.520.692)
				-

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	11.223.207.929	-
Công ty Hoàng Long	10.236.830.890	11.231.088.831
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	7.438.580.996	5.994.257.232
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	11.977.390.570	25.483.271.253
Khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	14.856.636.589	5.501.885.160
Các khách hàng khác	54.860.869.593	126.579.375.962
	<u>110.593.516.567</u>	<u>174.789.878.438</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Technip Italy S.p.A	180.551.547.337	-
Thyssenkrupp Industrial Solution (India) Private Limited	93.223.527.025	-
Tập đoàn TOYO Việt Nam	-	59.325.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Sản xuất Ngọc Lan	9.153.800.000	9.153.800.000
Người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	303.892.974.389	7.165.677.758
Ứng trước cho các nhà cung cấp khác	12.898.881.739	13.197.119.822
	<u>599.720.730.490</u>	<u>88.841.597.580</u>

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (i)	101.620.682.378	-
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	22.511.181.846	20.177.721.324
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (ii)	12.792.091.037	12.792.091.037
Tạm ứng cho người lao động	3.307.722.538	1.627.791.124
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	47.000.000	51.000.000
Thuế GTGT được hoàn của Nhà máy Đạm Phú Mỹ	17.851.484.482	106.450.370.984
Phải thu chiết khấu mua hàng từ nhà cung cấp	51.589.780.848	-
Khác	11.756.687.205	12.794.660.888
	<u>331.619.897.623</u>	<u>264.036.902.646</u>
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.167.836.000	949.902.000
Góp vốn hợp tác kinh doanh (iii)	21.114.909.091	800.000.000
	<u>22.282.745.091</u>	<u>1.749.902.000</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện khoản thanh toán theo cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 02 Cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Trong năm 2014, Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử cùng với lãi suất với số tiền tổng cộng là 389,4 tỷ đồng, theo đó, Tổng Công ty đã hoàn trả cho Tập đoàn số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty vào PVTEX là 101,2 tỷ đồng.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, PVTEX và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay PVTEX. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ PVTEX (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại PVTEX. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do (lỗ) lũy kế của PVTEX đã vượt quá vốn chủ sở hữu, và PVTEX không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với khoản phải thu này.

- (ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (“PVGN”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh khoản tiền bảo hiểm thiệt hại công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng, số tiền bảo hiểm thiệt hại đã được cơ quan bảo hiểm đền bù nhưng PVGN chưa chuyển trả cho Tổng Công ty.
- (iii) Phản ánh khoản góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án CO2 thương phẩm của Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam (“PVSBD”) với Công ty Cổ phần F.A và Nhà máy Đạm Phú Mỹ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân số BCC279/2014/PVFCCo/HC-SBD-FA ngày 06 tháng 5 năm 2014. Theo điều khoản hợp đồng, tổng số vốn góp của PVSBD là 64 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, PVSBD đã góp khoảng 21,1 tỷ đồng.

10. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	220.917.749.667	-	119.297.067.289	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	110.143.267.289	-	110.143.267.289	-
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan (ii)	9.153.800.000	-	9.153.800.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (iii)	101.620.682.378	-	-	-
Phải thu có khả năng thu hồi	-	-	2.294.640.000	2.294.640.000
Các đối tượng khác	-	-	2.294.640.000	2.294.640.000

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. NỢ XẤU (Tiếp theo)**

- (i) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- (ii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (iii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") liên quan đến khoản cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn trung và dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 9.

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đi đường	87.407.094.183	-	288.454.892.852	-
Nguyên liệu, vật liệu	335.681.802.319	-	499.192.205.959	-
Công cụ, dụng cụ	9.633.946.053	-	4.852.076.337	-
Chi phí sản xuất, kinh	28.769.617.579	-	46.750.905.139	-
Thành phẩm	192.347.388.684	-	344.320.570.248	-
Hàng hoá	715.520.210.098	(4.000.157.558)	308.611.899.417	(281.375.937)
Cộng	1.369.360.058.916	(4.000.157.558)	1.492.182.549.952	(281.375.937)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số hàng hóa có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền 4.000.157.558 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 281.375.937 đồng).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	10.124.705.794	9.518.700.811
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.681.757.381	7.022.150.127
	16.806.463.175	16.540.850.938
Dài hạn		
Trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng	11.819.525.887	9.573.023.571
Công cụ dụng cụ phân bổ	4.248.106.956	15.734.967.845
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.993.814.205	18.258.521.756
	23.061.447.048	43.566.513.172

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Tại ngày 01/01/2015	1.637.402.590.773	5.432.191.851.881	126.207.669.681	122.457.969.152	7.325.619.743.462							
Mua sắm mới	2.438.863.094	30.831.147.247	15.427.127.453	39.716.271.633	88.413.409.427							
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.782.000.000	-	-	1.460.533.730							5.242.533.730
Thanh lý, nhượng bán	-	(328.214.510)	(2.481.907.208)	(3.645.235.006)	(6.455.356.724)							
Tặng/(Giảm) khác	-	779.934.982	731.360.000	(651.806.982)	859.488.000							
Giảm do thoái vốn tại Công ty CP Bao Bì Đạm Phú Mỹ	(30.565.858.231)	(55.884.393.303)	(1.400.728.931)	(129.478.076)	(87.980.458.541)							
Tại ngày 31/12/2015	1.609.275.595.636	5.411.372.326.297	138.483.520.995	157.747.720.721	8.820.195.705							7.325.699.359.354
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Tại ngày 01/01/2015	835.803.982.739	5.195.716.107.958	81.508.071.921	76.657.076.568	2.925.061.015							6.192.610.300.201
Trích khấu hao trong năm	89.705.450.736	112.849.920.060	10.771.007.991	22.440.380.216	2.500.456.829							238.267.215.832
Thanh lý, nhượng bán	(432.420.467)	(329.367.879)	(1.647.553.841)	(3.574.959.329)	(5.984.301.516)							
Giảm do thoái vốn tại Công ty CP Bao Bì Đạm Phú Mỹ	(10.327.494.865)	(38.565.867.434)	(1.049.120.115)	(134.519.172)	(50.077.001.586)							
Tại ngày 31/12/2015	914.749.518.143	5.269.670.792.705	89.582.405.956	95.387.978.283	5.425.517.844							6.374.816.212.931
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại ngày 31/12/2015	694.526.077.493	141.701.533.592	48.901.115.039	62.359.742.438	3.394.677.861							950.883.146.423
Tại ngày 31/12/2014	801.598.608.034	236.475.743.923	44.699.597.760	45.800.892.584	4.434.600.960							1.133.009.443.261

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.379.131.033.588 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.363.972.216.156 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại khoảng 10,43 tỷ đồng đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng (như trình bày tại Thuyết minh 24).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	913.888.881.862	171.736.726.176	52.367.493.588	10.335.196.396	1.148.328.298.022
Tăng trong năm	-	1.977.793.869	1.313.573.361	-	3.291.367.230
Thanh lý	-	-	(85.064.909)	(43.636.364)	(128.701.273)
Giảm do thoái vốn tại Công ty CP Bao Bi Đạm Phú Mỹ	-	-	(36.000.000)	(353.242.000)	(389.242.000)
Tại ngày 31/12/2015	913.888.881.862	173.714.520.045	53.560.002.040	9.938.318.032	1.151.101.721.979
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	16.379.378.701	169.035.688.047	37.091.149.725	10.214.150.169	232.720.366.642
Trích khấu hao trong năm	5.005.600.203	2.595.868.374	8.362.752.886	110.143.108	16.074.364.571
Thanh lý	-	-	(63.810.329)	(32.733.245)	(96.543.574)
Giảm do thoái vốn tại Công ty CP Bao Bi Đạm Phú Mỹ	-	-	(36.000.000)	(353.242.000)	(389.242.000)
Tại ngày 31/12/2015	21.384.978.904	171.631.556.421	45.354.092.282	9.938.318.032	248.308.945.639
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	892.503.902.958	2.082.963.624	8.205.909.758	-	902.792.776.340
Tại ngày 31/12/2014	897.509.503.161	2.701.038.129	15.276.343.863	121.046.227	915.607.931.380

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 178.416.446.555 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 178.805.688.555 đồng).

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	84.498.516.000	230.032.455.192	314.530.971.192
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.825.000.000	-	1.825.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(24.500.000.000)	(34.352.156.792)	(58.852.156.792)
Tại ngày 31/12/2015	61.823.516.000	195.680.298.400	257.503.814.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	6.092.502.718	34.248.007.447	40.340.510.165
Trích khấu hao trong năm	1.330.844.702	8.855.097.020	10.185.941.722
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.941.500.888)	(6.941.500.888)
Tại ngày 31/12/2015	7.423.347.420	36.161.603.579	43.584.950.999
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	54.400.168.580	159.518.694.821	213.918.863.401
Tại ngày 31/12/2014	78.406.013.282	195.784.447.745	274.190.461.027

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	612.341.484.055	246.836.829.085
Trong đó:		
Dự án UFC 85/Formaldehyde (*)	348.243.750.831	75.732.962.614
Dự án nâng công suất phân xưởng NH ₃ nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK	108.329.487.319	23.451.226.161
Dự án Amoniac	46.248.899.367	46.248.899.367
Dự án nhà cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.342.070.618
Kho Tây Ninh	24.001.000.364	23.573.596.728
Các dự án khác	49.176.275.556	41.488.073.597
	<u>612.341.484.055</u>	<u>246.836.829.085</u>

(*) Dự án UFC 85/Formaldehyde có tổng mức đầu tư gần 500 tỷ đồng, đã cơ bản hoàn thành và đang trong quá trình chạy thử. Dự kiến, dự án sẽ được bàn giao chính thức đi vào hoạt động trong Quý I/2016. Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ chi phí đầu tư của Dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là hơn 348 tỷ đồng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	Lợi nhuận chưa thực hiện	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	13.767.908.411	11.656.179.678	3.341.130.982	-	28.765.219.071
Ghi nhận trong năm	(6.498.452.770)	30.179.691.223	5.681.380.012	7.151.801.283	36.514.419.748
Tại ngày 01/01/2015	7.269.455.641	41.835.870.901	9.022.510.994	7.151.801.283	65.279.638.819
Ghi nhận trong năm	15.087.094.482	(12.688.721.196)	(4.140.575.309)	669.030.387	(1.073.171.636)
Tại ngày 31/12/2015	22.356.550.123	29.147.149.705	4.881.935.685	7.820.831.670	64.206.467.183

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm 2015</u>
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	-
Ảnh hưởng do loại trừ dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết từ trước năm 2015	98.607.955.999
Ghi nhận trong năm	47.578.026.144
Tại ngày 31 tháng 12	<u>146.185.982.143</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tập đoàn TOYO Việt Nam	-	-	29.662.500.000	29.662.500.000
Baker Hughes Asia Pacific Ltd.,	16.849.383.370	16.849.383.370	12.005.037.500	12.005.037.500
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	200.604.081.795	200.604.081.795	234.170.436.834	234.170.436.834
Các nhà cung cấp khác	143.867.635.128	143.867.635.128	88.830.083.512	88.830.083.512
	361.321.100.293	361.321.100.293	364.668.057.846	364.668.057.846

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Hữu Thành	7.859.050.000	44.389.500
Người mua là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	6.212.372.132	5.015.288.623
Các khách hàng khác	49.579.593.344	34.301.059.102
	63.651.015.476	39.360.737.225

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm tới cuối năm				31/12/2015 VND
	01/01/2015 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Giảm do thoái vốn VND	
a) Các khoản phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.152.818.774	-	-	-	3.152.818.774
Thuế thu nhập cá nhân	1.360.021.965	15.827.935.511	15.446.917.863	-	979.004.317
Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000	-	-	-
Cộng	4.515.840.739	15.830.935.511	15.446.917.863	-	4.131.823.091
b) Các khoản phải nộp					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	462.406.107	10.762.073.572	9.552.260.479	(51.041.589)	1.621.177.611
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	25.290.085.789	25.290.085.789	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	64.731.936.255	64.731.936.255	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt					-
Thuế nhập khẩu					-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.951.016.887	309.160.303.969	279.826.182.950	(653.071.846)	77.632.066.060
Thuế thu nhập cá nhân	2.615.904.322	26.205.509.127	24.965.035.793	(54.848.079)	3.801.529.577
Thuế tài nguyên	30.299.840	345.331.840	346.190.400	-	29.441.280
Thuế bảo vệ môi trường	498.000	49.680.000	43.242.000	-	6.936.000
Thuế môn bài					-
Thuế môn bài	-	30.000.000	30.000.000	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	24.822.359	15.124.562.985	15.149.385.344	-	-
Các loại thuế khác	-	16.779.250	16.779.250	-	-
Cộng	52.084.947.515	451.716.262.787	419.951.098.260	(758.961.514)	83.091.150.528

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí an sinh xã hội (*)	18.624.552.700	32.058.808.019
Chi phí phải trả khác	38.431.789.844	32.071.320.177
	<u>57.056.342.544</u>	<u>64.130.128.196</u>

(*) Chi phí an sinh xã hội trong năm được trích theo Nghị quyết số 998/DKVN-TCNS ngày 04 tháng 5 năm 2015 về việc “Chấp thuận phương án phân bổ kinh phí của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam và các đơn vị có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thực hiện chương trình an sinh xã hội năm 2015”. Theo đó, kinh phí được phân bổ cho Tổng Công ty năm 2015 là 95 tỷ đồng. Trong năm, Tổng Công ty có thêm ba (03) quyết định trích bổ sung Quỹ an sinh xã hội với tổng mức trích thêm là 9,5 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chi phí an sinh xã hội phải trả cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 18.624.552.700 đồng.

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả	975.031.896.789	25.188.468.714
Phải trả chiết khấu	15.207.128.913	17.993.485.335
Phải trả ngắn hạn khác	19.682.756.599	24.673.350.622
	<u>1.009.921.782.301</u>	<u>67.855.304.671</u>
Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.826.964.074	6.177.584.074
	<u>6.826.964.074</u>	<u>6.177.584.074</u>

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2015 cho Nhà máy	-	217.105.262.533
Trích trước chi phí bảo dưỡng GAS TURBINE năm 2016	39.680.210.528	-
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	503.872.574	350.050.095
	<u>40.184.083.102</u>	<u>217.455.312.628</u>
Dài hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2017 cho Nhà máy	96.551.724.139	-
	<u>96.551.724.139</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN/HN****24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	91.740.870.923	91.740.870.923	122.258.204.224	171.039.367.131	42.959.708.016	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	21.455.796.223	21.455.796.223	106.036.629.899	96.292.632.206	31.199.793.916	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	5.308.574.700	5.308.574.700	4.461.660.225	9.770.234.925	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	11.759.914.100	-	11.759.914.100	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	52.500.000.000	52.500.000.000	-	52.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Phòng giao dịch Võ Văn Tần	12.476.500.000	12.476.500.000	-	12.476.500.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.780.041.966	1.780.041.966	3.419.655.166	3.066.373.132	-	2.133.324.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.115.831.634	1.115.831.634	-	1.115.831.634	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	664.210.332	664.210.332	1.286.331.166	1.950.541.498	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông	-	-	1.999.992.000	-	-	1.999.992.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng giao dịch Hòa Bình	-	-	133.332.000	-	-	133.332.000
	93.520.912.889	93.520.912.889	125.677.859.390	174.105.740.263	42.959.708.016	2.133.324.000
						2.133.324.000

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	-	-	226.950.078.667	-	226.950.078.667	226.950.078.667
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.245.382.915	1.245.382.915	-	1.245.382.915	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	1.660.525.830	1.660.525.830	5.260.674.966	3.488.163.598	3.433.037.198	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông (ii)	-	-	6.000.000.000	999.996.000	-	5.000.004.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng giao dịch Hòa Bình (iii)	-	-	400.000.000	77.777.000	-	322.223.000
Cộng	2.905.908.745	2.905.908.745	238.610.753.633	5.811.319.513	3.433.037.198	232.272.305.667

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng 1.780.041.966

Số phải trả sau 12 tháng 1.125.866.779

2.133.324.000

230.138.981.667

(i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay số 03/2015/HDDA-PVB-CNHCM.QLDT ngày 26 tháng 01 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Tổng Công ty với hạn mức vay là 347.574.411.133 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư vào dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Thời hạn vay tối đa là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (2,5%/năm). Lãi vay được trả 06 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế vào ngày 26 hàng tháng.

Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị dự án xây dựng công trình xưởng sản xuất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0103/2015/925 ngày 26 tháng 6 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông với số tiền vay 6.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm 03 xe khách Daewoo Bus FX12. Lãi suất cho vay 11,2%/năm và được điều chỉnh ba (03) tháng một lần. Lãi vay được trả vào ngày 29 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng ba (03) xe ô tô khách 47 chỗ Daewoo Bus FX12. Số dư khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.000.004.000 đồng.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0089/2015/925 ngày 28 tháng 5 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng Giao dịch Hòa Bình với số tiền vay là 400.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua xe. Lãi suất cho vay 11,2%/năm và được điều chỉnh ba (03) tháng một lần. Lãi vay được trả vào ngày 29 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô bán tải 5 chỗ Ford Ranger 4x2 XLS AL. Số dư khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 322.223.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.133.324.000	1.780.041.966
Trong năm thứ hai	2.133.324.000	793.761.613
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	228.005.657.667	332.105.166
Sau năm năm	-	-
	<u>232.272.305.667</u>	<u>2.905.908.745</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	2.133.324.000	1.780.041.966
Số phải trả sau 12 tháng	<u>230.138.981.667</u>	<u>1.125.866.779</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát
	VND	VND							VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2014	3.800.000.000.000	977.787.044	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(264.120.169)	2.526.156.314.757	962.866.860.541	1.014.770.873	2.036.381.182.804	210.122.568.769	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	1.096.275.840.370	38.182.555.531	
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.014.884.509	5.345.687.706	-	(8.360.572.215)	-	
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(132.748.113.582)	(3.490.631.739)	
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.519.737.040.000)	(28.042.035.007)	
Tặng (giảm) khác	-	1.419.695.143	-	-	263.400.375	(1.419.695.143)	-	-	(1.931.466.342)	28.872.582	
Số dư tại ngày 31/12/2014	3.800.000.000.000	2.397.482.187	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	2.527.751.504.123	968.212.548.247	1.014.770.873	1.469.879.831.035	216.801.330.136	
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	-	968.212.548.247	(968.212.548.247)	-	-	-	
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.800.000.000.000	2.397.482.187	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	3.495.964.052.370	-	1.014.770.873	1.469.879.831.035	216.801.330.136	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	1.488.213.481.717	34.247.867.339	
Trích lập các quỹ (1)	-	-	-	-	-	4.386.836.518	-	-	(4.386.836.518)	-	
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	-	-	(291.337.417.673)	(5.728.298.310)	
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.519.737.040.000)	(23.865.144.656)	
Chuyển quỹ	-	-	-	-	-	1.014.770.873	-	(1.014.770.873)	-	-	
Tặng (giảm) do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Dạm Phú Mỹ	-	(2.038.211.449)	-	-	-	(2.294.797.393)	-	-	4.333.008.842	(34.237.899.815)	
(Giảm) do Công ty liên kết thay đổi số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.560.754.437)	-	
Điều chỉnh theo Thông tư 202 (3)	-	-	-	-	-	-	-	-	(98.607.955.999)	-	
Điều chỉnh khác	-	(359.270.738)	-	-	719.794	(404.498.539)	-	-	218.050.059	4.723.594.968	
Số dư tại ngày 31/12/2015	3.800.000.000.000	-	21.179.913.858	(2.296.824.120)	-	3.498.666.363.829	-	-	1.038.014.367.026	191.941.449.662	

(1) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(2) Trong năm 2015, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 569.901.390.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 23/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2015, và tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 là 949.835.650.000 đồng (2.500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 1064/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2015.

(3) Theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC, Tổng Công ty đã ghi giảm lợi nhuận chưa phân phối tương ứng ghi tăng Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ việc loại trừ khoản dự phòng đầu tư tài chính đã trích lập vào 02 công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu Khí ("PVTEX") và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí ("PVC-Mekong") cho giai đoạn trước năm 2015 (xem thêm Thuyết minh số 17).

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	380.000.000	380.000.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.740	65.740
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	379.934.260	379.934.260
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	Vốn đã góp
	VND	%	31/12/2015	31/12/2014
			VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.332.042.530.000	59,58	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	1.581.957.470.000	40,42	1.467.957.470.000	1.467.957.470.000
	3.914.000.000.000	100%	3.800.000.000.000	3.800.000.000.000

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2014	162.791.200.000	2.305.307.509	9.586.028.093	7.436.761.863	975.756.536	33.706.276.135	216.801.330.136
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	7.436.761.863	(7.436.761.863)	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	162.791.200.000	2.305.307.509	17.022.789.956	-	975.756.536	33.706.276.135	216.801.330.136
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	34.247.867.339	34.247.867.339
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.742.736.029)	(5.742.736.029)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(23.865.144.656)	(23.865.144.656)
Chuyển quỹ	-	-	975.756.536	-	(975.756.536)	-	-
Tăng/(giảm) do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Đạm Phú Mỹ	(20.590.000.000)	(2.305.307.509)	(2.595.517.588)	-	-	(4.554.504.031)	(30.045.329.128)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	545.462.000	545.462.000
Số dư tại ngày 31/12/2015	142.201.200.000	-	15.403.028.904	-	-	34.337.220.758	191.941.449.662

26. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
- USD	2.141.450	1.808.468
- EUR	32.574	33.658

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MÃ SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp nhất và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối riêng biệt về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất bao gồm: Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất và Dầu khí Đông Nam Bộ.
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (tại ngày 01 tháng 10 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ).
- Xây dựng công trình dân dụng và cung cấp dịch vụ khác bao gồm: Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam.

Các thông tin về bộ phận kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Kinh doanh phân bón và hóa chất VND	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác VND	Điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	12.106.978.782.751	117.282.000.696	(1.332.286.994.022)	10.891.973.789.425
Đầu tư vào Công ty liên kết	580.903.000.000	100.000.000.000	(653.697.066.178)	27.205.933.822
Tổng tài sản	12.687.881.782.751	217.282.000.696	(1.985.984.060.200)	10.919.179.723.247
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	3.634.493.437.689	34.136.718.822	(1.296.955.703.519)	2.371.674.452.992
Tổng nợ phải trả	3.634.493.437.689	34.136.718.822	(1.296.955.703.519)	2.371.674.452.992

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MÃU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Kinh doanh phân bón và hóa chất VND	Sản xuất bao bì VND	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác VND	Điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.742.872.324.003	228.249.060.738	187.532.521.921	(13.307.018.084.629)	9.851.635.822.033
Các khoản giảm trừ doanh thu	199.506.966.364	-	-	(112.817.988.804)	86.688.977.560
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.543.365.357.639	228.249.060.738	187.532.521.921	(13.194.200.095.825)	9.764.946.844.473
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19.435.932.744.181	197.396.366.045	160.637.049.282	(13.181.542.161.705)	6.612.423.997.803
Chi phí bán hàng	759.597.248.907	5.559.833.015	1.314.276.957	(15.485.719.042)	750.985.639.837
Chi phí quản lý doanh nghiệp	583.903.457.793	14.198.903.057	17.434.068.806	(18.460.496.445)	597.075.933.211
Kết quả hoạt động kinh doanh	1.763.931.906.758	11.093.958.621	8.147.126.876	21.288.281.367	1.804.461.273.622
Phân (lỗ) trong công ty liên kết					(198.273.817.160)
Doanh thu hoạt động tài chính					256.561.206.512
Chi phí tài chính					7.070.545.699
Lợi nhuận khác					24.594.733.532
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					1.880.272.850.807
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					309.160.303.969
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					48.651.197.780
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					1.522.461.349.058

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu với doanh thu khoảng 165,7 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
2015			
Doanh thu thuần	6.792.276.265.117	2.972.670.579.356	9.764.946.844.473
Giá vốn hàng bán	(3.764.056.533.500)	(2.848.367.464.303)	(6.612.423.997.803)
Lợi nhuận gộp	3.028.219.731.617	124.303.115.053	3.152.522.846.670
2014			
Doanh thu thuần	7.071.728.592.529	2.477.121.260.062	9.548.849.852.591
Giá vốn hàng bán	(4.731.082.695.058)	(2.390.013.454.364)	(7.121.096.149.422)
<i>Trong đó: Hoàn nhập dự phòng</i>	<i>2.539.676.996</i>	<i>9.893.267.163</i>	<i>12.432.944.159</i>
Lợi nhuận gộp	2.340.645.897.471	87.107.805.698	2.427.753.703.169

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	6.170.852.658.627	6.313.603.683.900
Doanh thu Ure Cà Mau	146.403.645.000	398.611.030.574
Doanh thu Amoniac	271.418.980.873	181.463.231.525
Doanh thu điện	1.608.040.595	1.422.244.336
Doanh thu khác	269.574.239.723	256.984.586.198
	6.859.857.564.818	7.152.084.776.533
Chiết khấu thương mại	67.581.299.701	80.356.184.004
	6.792.276.265.117	7.071.728.592.529
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 39)	324.142.902.346	150.217.876.915

Chi tiết giá vốn kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn kinh doanh Ure	3.278.948.003.205	4.079.664.859.782
Giá vốn kinh doanh Ure Cà Mau	143.568.669.246	389.241.642.156
Giá vốn kinh doanh Amoniac	144.565.582.519	88.671.273.818
Giá vốn kinh doanh điện	2.568.917.635	3.169.077.631
Giá vốn khác	194.405.360.894	170.335.841.671
	3.764.056.533.500	4.731.082.695.058

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.464.741.340.488	3.736.969.200.487
Chi phí nhân công	503.297.670.246	480.836.113.801
Chi phí khấu hao	255.009.195.382	268.667.500.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	854.032.124.616	859.123.476.692
Chi phí khác bằng tiền	579.379.555.970	187.615.021.863
	4.656.459.886.702	5.533.211.313.684

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	251.325.096.804	321.129.781.714
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.605.442.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.202.121.876	748.735.235
Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phiếu Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	78.527.105.479
Lợi nhuận thoái vốn góp tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	428.421.008	-
Khác	1.605.566.824	495.559.040
	256.561.206.512	406.506.623.868

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.568.699.865	2.931.385.121
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(93.433.321)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.456.247.668	1.679.680.768
Khác	45.598.166	211.987.780
	7.070.545.699	4.729.620.348

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	321.192.309.897	365.309.546.096
Chi phí an sinh xã hội	84.566.175.997	93.567.806.900
Chi phí quảng cáo, truyền thông	121.833.095.089	94.226.951.310
Các khoản chi phí bán hàng khác	223.394.058.854	148.500.655.111
	750.985.639.837	701.604.959.417
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	173.419.865.839	161.127.993.271
Phí quản lý nộp Tập đoàn	32.535.684.686	37.320.959.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.890.326.106	93.397.979.136
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	299.230.056.580	278.683.644.998
	597.075.933.211	570.530.577.008

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý bất động sản đầu tư	19.293.095.488	-
Thu phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	253.210.835	1.029.475.330
Thu nhập khác	6.136.062.486	15.618.580.322
	25.682.368.809	16.648.055.652
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản	-	175.336.802
Chi phí khác	1.087.635.279	9.370.469.253
	1.087.635.279	9.545.806.055

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	308.326.549.478	170.117.932.415
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước bổ sung	833.754.491	17.942.670.148
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	-	(1.334.103.879)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	309.160.303.969	186.726.498.683

Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh phân đạm: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm tài chính đầu tiên Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất 15% cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh phân đạm.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.488.213.481.717	1.096.275.840.370
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(236.206.155.225)	(144.229.313.780)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.252.007.326.492	952.046.526.590
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	379.934.260	379.934.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.295	2.506

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***36. CÁC KHOẢN CAM KẾT****Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Trong vòng một năm	21.279.554.938	21.766.418.938
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	63.604.701.454	67.749.383.254
Sau năm năm	416.839.441.591	431.860.682.729
	501.723.697.983	521.376.484.921

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Tổng Công ty và các đơn vị thành viên phải trả cho việc thuê đất để xây dựng nhà xưởng, kho bãi. Bao gồm các Hợp đồng thuê sau:

- Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty mẹ đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004. Theo Phụ lục hợp đồng số 135/PLHĐ/IZICO ký ngày 07 tháng 11 năm 2013 thì từ năm 2014 trở đi, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất thô và phí sử dụng hạ tầng bằng VND vào ngày 15 tháng 02 hàng năm của năm thuê đất đó với số tiền mỗi năm phải trả là 666.524 USD.
- Ngày 14 tháng 5 năm 2014, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc - Công ty con của Tổng Công ty đã ký Phụ lục số 2 của Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VDKVN/PVFCCo North về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Tổng diện tích thuê bao gồm 655 m² khu văn phòng và 55 m² khu phụ trợ với số tiền thuê là 274.300.000 đồng/tháng.
- Ngày 07 tháng 3 năm 2013, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ký Hợp đồng thuê xưởng trộn hóa chất của Công ty TNHH Công nghiệp Tây Nam với tổng giá thuê là 167.360.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn 5 năm và kết thúc tại ngày 07 tháng 3 năm 2018.

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 115/QĐ-PHBC ngày 08 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, cung cấp và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ NH₃ và phân NPK trong nước với tổng mức đầu tư là 4.987.200.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của dự án là Quý 2 năm 2017. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 108.329.487.319 đồng.

Cam kết khác

Theo Phụ lục sửa đổi bổ sung số 04 của Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/BI ngày 07 tháng 5 năm 2010 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá khí được tính theo công thức tính giá khí được giao nhận tại điểm giao nhận khí như sau: Giá khí không bao gồm VAT (USD/MMBTU) = 46%*Giá dầu trung bình MFOC + cước phí bể Cừu Long áp dụng cho nhà máy Đạm Phú Mỹ, với mức cước phí áp dụng cho năm 2016 là 0,94 USD/mmBTU.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***37. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) - Công ty liên kết của Công ty, theo đó Tổng Công ty cam kết hoàn trả cho Tập đoàn toàn bộ gốc vay, lãi vay, chi phí, lệ phí, tổn thất và phí tổn thất phát sinh mà Tập đoàn đã trả cho các ngân hàng tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại PVTEX, việc hoàn trả được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Tập đoàn có công văn yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả số tiền trên. Ngày 23 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Công văn số 527/DKVN-TCKT yêu cầu Tổng Công ty thực hiện các cam kết nêu trên, cụ thể: Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử với số tiền tổng cộng là 388,5 tỷ đồng. Theo đó, trong năm 2015 Tổng Công ty đã chuyển trả cho Tập đoàn số tiền là 101.620.682.378 đồng.

Theo Công văn số 9792/CV-KHDN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc cơ cấu khoản vay dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Tổng hợp Polyester Đình Vũ: ngày trả nợ gốc tiếp theo là ngày 21 tháng 6 năm 2017, như vậy tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tổng Công ty không có nghĩa vụ hoàn trả Tập đoàn bất cứ số tiền nào liên quan đến các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn nêu trên. Tổng Công ty sẽ phải tiếp tục thực hiện cam kết từ các năm tiếp theo.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con.

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	232.272.305.667	94.646.779.668
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.690.048.266.789	5.078.299.954.021
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>8.547.505.270.255</u>	<u>9.004.939.836.545</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.690.048.266.789	5.078.299.954.021
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.950.000.000	77.119.148.009
Phải thu khách hàng và phải thu khác	239.055.851.076	316.356.282.671
Tổng cộng	6.010.054.117.865	5.471.775.384.701
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	232.272.305.667	94.646.779.668
Phải trả người bán và phải trả khác	1.377.368.345.085	437.208.578.587
Chi phí phải trả	57.056.342.544	64.130.128.196
Dự phòng phải trả	136.735.807.241	217.455.312.628
Tổng cộng	1.803.432.800.537	813.440.799.079

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	18.413.685.665	-	460.841.784.970	49.165.136.455
Euro (EUR)	-	-	980.005.931	859.697.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.848.561.986	983.302.729
Euro (EUR)	19.600.119	17.193.952

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu, và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với số tiền khoảng 336 triệu đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì giá trị dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde do Tổng Công ty làm chủ đầu tư (như trình bày tại Thuyết minh 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng/giảm 4.539.001.573 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có một số khoản phải thu tồn đọng lâu ngày và khó có khả năng thu hồi. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ cho các khoản phải thu này với số tiền lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 220.917.749.667 đồng (tại 31/12/2014 là 121.591.707.289 đồng).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.690.048.266.789	-	-	5.690.048.266.789
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.950.000.000	-	-	80.950.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	217.940.941.985	21.114.909.091	-	239.055.851.076
Tổng cộng	5.988.939.208.774	21.114.909.091	-	6.010.054.117.865
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.133.324.000	230.138.981.667	-	232.272.305.667
Phải trả người bán và phải trả khác	1.370.541.381.011	6.826.964.074	-	1.377.368.345.085
Chi phí phải trả	57.056.342.544	-	-	57.056.342.544
Dự phòng phải trả	40.184.083.102	96.551.724.139	-	136.735.807.241
Tổng cộng	1.469.915.130.657	333.517.669.880	-	1.803.432.800.537
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.519.024.078.117	(312.402.760.789)	-	4.206.621.317.328
31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.078.299.954.021	-	-	5.078.299.954.021
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.119.148.009	-	-	77.119.148.009
Phải thu khách hàng và phải thu khác	315.556.282.671	800.000.000	-	316.356.282.671
Tổng cộng	5.470.975.384.701	800.000.000	-	5.471.775.384.701
31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	93.520.912.889	1.125.866.779	-	94.646.779.668
Phải trả người bán và phải trả khác	431.030.994.513	6.177.584.074	-	437.208.578.587
Chi phí phải trả	64.130.128.196	-	-	64.130.128.196
Dự phòng phải trả	217.455.312.628	-	-	217.455.312.628
Tổng cộng	806.137.348.226	7.303.450.853	-	813.440.799.079
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.664.838.036.475	(6.503.450.853)	-	4.658.334.585.622

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm:

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Các Công ty liên kết

Các Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Cổ tức trả Tập đoàn	932.655.634.657	932.655.634.657
Phí quản lý nộp Tập đoàn	30.727.444.023	35.062.450.431
Phí sử dụng thương hiệu nộp Tập đoàn	1.808.240.663	2.258.509.172
	965.191.319.343	969.976.594.260
Bán hàng		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	51.062.967.200	58.222.097.606
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	34.989.851.105	53.571.853.658
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	14.923.027.120	4.930.623.863
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	3.591.708.300	8.950.009.524
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	18.125.201.663	19.652.376.961
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	9.655.075.525	110.738.572
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	191.586.820.000	534.800.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	208.251.433	4.245.376.731
	324.142.902.346	150.217.876.915
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	1.849.430.622.610	3.002.896.859.715
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PVSecurity)	5.971.976.988	5.569.558.940
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	69.540.000.000	307.760.541.483
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	33.919.499.821	29.064.546.643
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	4.821.665.719	13.163.032.566
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	1.999.477.828	4.256.136.075
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) - PVC Mekong	8.030.369.090	45.059.393.790
Công ty Cổ phần PVI	64.847.199.706	76.595.931.867
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	10.689.507.965	12.265.617.541
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	105.786.102.309	52.688.745.829
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	16.126.908.437	10.710.672.552
	2.171.163.330.473	3.560.031.037.001

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	3.261.323.890	44.000.000
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	5.744.374.020	4.665.206.304
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	4.885.205.312	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	590.785.644	54.759.939
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	195.253.105	588.280.000
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	88.216.138	71.529.662
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	91.478.480	56.591.385
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	-	21.517.870
	<u>14.856.636.589</u>	<u>5.501.885.160</u>
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	5.684.164.656	5.022.403.817
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	3.045.961.760	21.517.870
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	295.162.847.973	-
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	-	1.466.990.727
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	339.312.227
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	-	143.534.819
Tổng Công ty CP Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	-	171.918.298
	<u>303.892.974.389</u>	<u>7.165.677.758</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	101.207.873.164	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	12.792.091.037	12.792.091.037
	<u>224.143.231.490</u>	<u>122.935.358.326</u>
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	132.617.055.994	200.708.559.394
Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Tổng Hợp (PTSC)	55.564.201.824	13.246.125.090
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	8.394.696.761	11.979.477.462
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	1.796.605.459	4.613.264.616
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	1.760.649.790	150.028.000
Công ty Cổ phần PVI	301.616.099	1.645.686.651
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	8.575.868	1.827.295.621
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	160.680.000	-
	<u>200.604.081.795</u>	<u>234.170.436.834</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (Tiếp theo):*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	6.037.305.000	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	-	4.391.188.146
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	54.602.532	305.981.977
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	120.464.600	318.118.500
	<u>6.212.372.132</u>	<u>5.015.288.623</u>
Vay và nợ thuê tài chính		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	226.950.078.667	1.245.382.915
	<u>226.950.078.667</u>	<u>1.245.382.915</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn dầu khí Việt Nam-Cổ tức phải trả	582.914.138.405	-
	<u>582.914.138.405</u>	<u>-</u>

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

- Ngày 13 tháng 01 năm 2016, Nghị quyết số 15/NQ-PBHC của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã phê duyệt kết quả chào bán để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 81,38% tại Công ty cổ phần Quản lý và phát triển nhà Dầu khí miền Nam (PVFCCo-SBD). Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp, Tổng Công ty chính thức không còn sở hữu vốn tại PVFCCo-SBD.
- Ngày 29 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 23/NQ-KVN về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP"). Theo đó, tổng số phiếu đã phát hành là 11.400.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau đợt phát hành tăng 114 tỷ đồng, từ 3.800 tỷ đồng lên 3.914 tỷ đồng.
- Ngày 13 tháng 01 năm 2016, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam ("PVN") có Nghị quyết số 248/NQ-DKVN chấp thuận chủ trương dừng nghiên cứu Dự án và chấm dứt thỏa thuận hợp tác đầu tư xây dựng Tổ hợp sản xuất Amoniac và Amon Nitrat giữa PVN và Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng ("GAET"). Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, các bên vẫn đang trong quá trình đàm phán phân chia chi phí triển khai dự án đã phát sinh (lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 46.248.899.367 đồng).

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

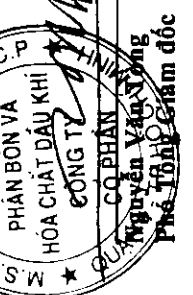
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN/HIN

41. SÓ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Tên chi tiêu	Mã số	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Mã số	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Thay đổi
		Số tiền (VND)		Số tiền (VND)	
BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN					
I. Tài sản					
1. Đầu tư ngắn hạn	121	76.245.382.915	123	77.119.148.009	Trình bày lại và đổi mã số
2. Đầu tư dài hạn khác	258	22.175.765.094	253	20.502.000.000	Trình bày lại và đổi mã số
3. Các khoản phải thu khác	135	262.358.111.522	136	264.036.902.646	Trình bày lại và đổi mã số
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.675.791.124	155	-	Trình bày lại và đổi mã số
5. Phải thu dài hạn khác	218	-	216	1.749.902.000	Trình bày lại và đổi mã số
6. Tài sản dài hạn khác	268	952.902.000	268	-	Trình bày lại
II. Nguồn vốn					
1. Doanh thu chưa thực hiện	338	2.875.711.896	318	21.747.446	Trình bày lại và đổi mã số
2. Chi phí phải trả	316	281.235.390.729	315	64.130.128.196	Trình bày lại và đổi mã số
3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	350.050.095	321	217.455.312.628	Trình bày lại và đổi mã số
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	417	2.527.751.504.123	336	2.853.964.450	Trình bày lại và đổi mã số
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	968.212.548.247	418	3.495.964.052.370	Trình bày lại và đổi mã số
6. Quỹ dự phòng tài chính					
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.885	70	2.506	Trình bày lại
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ					
- Các khoản dự phòng	03	(10.231.737.480)	03	163.452.258.562	Trình bày lại
Không có chi tiêu tương ứng			07	30.318.529.937.023	Chỉ tiêu mới
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(183.400.003.718)	11	400.599.906.281	Trình bày lại



(Signature)
Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

(Signature)
Trần Xuân Thảo
Người lập biểu
Ngày 21 tháng 3 năm 2016